

Bản án số: 03/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 14 – 01 – 2022.

V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Huỳnh Đ, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Sóc K, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị Huỳnh Đ trình bày:

Vào năm 2019, bà Đ và ông K chung sống và kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 25/01/2019. Sau khi kết hôn, bà Đ và ông K chung sống hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn gay gắt nên bà Đ và ông K đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông K không có con chung, tài sản chung và nợ chung cũng không có.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 01 năm 2022, bà Thạch Thị Quỳnh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Trịnh Sóc K; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trịnh Sóc K:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông K, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông K 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông K để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị Quỳnh Đ.

+ Về con chung: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trịnh Sóc K không có con chung nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trịnh Sóc K không có tài sản chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trịnh Sóc K không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị Quỳnh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trịnh Sóc K từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông K nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông K hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Trịnh Sóc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ và ông K.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trịnh Sóc K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 25/01/2019. Hôn nhân của bà Đ và ông K tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Quỳnh Đ và ông Trịnh Sóc K là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/3/2021 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/01/2022, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông K với lý do trong quá trình chung sống, đến tháng 9/2020 thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Từ khi bà Đ chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Trịnh Sóc K, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông K biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông K.

[3]. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định bà và ông Trịnh Sóc K không có con chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định bà và ông Trịnh Sóc K không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định bà và ông Trịnh Sóc K không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Trịnh Sóc K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ được ly hôn với ông Trịnh Sóc K.
2. Về con chung: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định bà và ông Trịnh Sóc K không có con chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định bà và ông Trịnh Sóc K không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về nợ chung: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ xác định bà và ông Trịnh Sóc K không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Quỳnh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007861 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Đ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trịnh Sóc K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.
7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo